



## Thông tin chung về địa bàn nghiên cứu

### Đặc điểm kinh tế - xã hội của xã Vạn Long và huyện Vạn Ninh và xã Vạn Long

Vạn Ninh là một huyện nông nghiệp gồm 13 xã.<sup>1</sup> Trong đó, có hai xã miền núi, một xã đảo và bán đảo, các xã khác thuộc đồng bằng, nằm dọc theo bờ biển.

Kinh tế của huyện chủ yếu là nông nghiệp và đánh bắt thủy sản. Nếu như vùng đồng bằng duyên hải có hạ tầng cơ sở tương đối tốt với đường sắt và đường bộ, thì hạ tầng này cũng chưa góp phần phát triển công nghiệp tại địa phương. Tuy nhiên, các trục giao thông này lại rất thuận tiện cho những người nhập cư đến tìm việc làm tại các khu du lịch ven biển.

Vì đất cằn cỗi, thu nhập từ nông nghiệp của nhiều xã trong huyện khá khiêm tốn: nhìn chung, huyện còn nghèo, diện tích sản xuất hạn chế, do đó có nhiều người không có đủ việc làm, tỷ lệ thất nghiệp cao. Gần đây, việc phát triển nuôi trồng thủy sản (trong đó có nuôi tôm hùm, tôm sú) đã mang lại nguồn thu nhập đáng kể, nhưng sự cách biệt kinh tế - xã hội vẫn còn rất lớn. Bởi vì, vốn đầu tư cho nuôi trồng thủy sản nhiều khi vượt quá khả năng của ngư dân, hơn nữa do họ khó tiếp cận với nguồn vốn vay của các ngân hàng, cho nên chủ của các đĩa tôm, lồng tôm phần nhiều là người buôn bán và công chức. Thêm vào đó, một số ngư dân lại bị mất nhà cửa sau cơn bão năm 2006 đã làm cho đời sống kinh tế của một số hộ trở nên khó khăn và ảnh hưởng xấu đến việc học của con cái.

Xã Vạn Long (dân số 8.579 người) gồm bốn thôn: Long Hòa, Lộc Thọ, Ninh Thọ và Hải Triều. Có hai thôn chủ yếu sống về nông nghiệp và hai thôn sống về ngư nghiệp. Sản xuất nông nghiệp phải đối mặt với những khó khăn như: khí hậu thất thường, đất đai không màu mỡ, thu hoạch kém, thu nhập thấp. Các thôn sống về ngư nghiệp dường như nghèo hơn, với kiểu đánh bắt truyền thống ít hiệu quả: *“Địa bàn Xã có 137 phương tiện đánh bắt hải sản, hầu hết phương tiện đánh bắt gần*

1. Mười ba xã của huyện Vạn Ninh là: Đại Lãnh, Vạn Thọ, Vạn Phước, Vạn Long, Vạn Khánh, Vạn Bình, Vạn Thắng, Vạn Phú, Vạn Giã, Vạn Lương, Vạn Hưng, Xuân Sơn, Vạn Thạnh...

bờ, qui mô nhỏ nên việc khai thác gặp nhiều khó khăn, ước thực hiện khai thác thủy sản các loại trên 60/100 tấn, đạt 60% kế hoạch”.<sup>2</sup> Các thôn ngư dân có nhiều vấn đề về học tập của trẻ em vì có nhiều gia đình đông con (6 con hay hơn nữa) và họ không thể cho tất cả các con đi học. Hơn nữa, hoạt động đánh bắt hải sản cần nhiều lao động và trẻ em có thể tham gia từ khi còn nhỏ, với tất cả thời gian hay nửa thời gian.

Năm 2006, báo cáo của UBND xã Vạn Long về tình hình kinh tế xã hội ghi nhận như sau: “Năm 2006 là năm đầu thực hiện kế hoạch nhà nước (2006-2010), ngoài những nét thuận lợi cơ bản, tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã gặp không ít khó khăn, nhất là diễn biến thời tiết rất phức tạp, cùng với tình hình dịch cúm gia cầm, lở mồm long móng đã làm hạn chế mức tăng trưởng kinh tế theo kế hoạch đề ra. Song với sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan cấp trên, Đảng bộ, Chính quyền phối hợp với Mặt trận và ban ngành đoàn thể tổ chức triển khai vận động nhân dân xã nhà từng bước khắc phục khó khăn”. Địa phương vẫn tin tưởng vào sự phát triển kinh tế và làm giàu nhờ nuôi trồng thủy sản đang phát triển mạnh, có dự kiến “khuyến khích hộ đầu tư nuôi tôm hùm lồng đạt giá trị xuất khẩu trên 20 tỉ đồng”.<sup>3</sup> Nuôi tôm, nhất là tôm hùm đường như là một ngành đang mang lại lợi nhuận cao.

## Tình hình giáo dục của huyện Vạn Ninh

### Giáo dục mầm non

Huyện có 8 nhà trẻ, 2 trường mầm non, 13 trường mẫu giáo và nhiều nhóm trẻ gia đình. Năm 2006 - 2007, 8 nhà trẻ của huyện (4 công lập và 4 tư thực) đón nhận 216 cháu (120 nam và 96 nữ); 119 cháu ghi tên học các nhà trẻ công lập (70 nam và 49 nữ) và 97 cháu học nhà trẻ tư thực (55 nam và 42 nữ). Số cháu học trong nhà trẻ công lập đạt 44,9% trên toàn bộ số cháu đi nhà trẻ. Số cháu đi nhà trẻ đạt 5,5% số cháu trong độ tuổi. Báo cáo của Ủy ban nhân dân ghi nhận là số cháu đi học đã tăng 14% từ giữa năm học 2005 - 2006 và 2006 - 2007. Tuy nhiên, kết quả đạt được cũng còn thấp hơn chỉ tiêu đề ra. Cũng cần lưu ý là số nhà trẻ phân bố không đồng đều, vì ở một số xã, như Vạn Long chẳng hạn, không có nhà trẻ nào.

2. UBND xã Vạn Long, 2006.

3. UBND xã Vạn Long, 2006a:10.

Trong 13 trường Mầm non của huyện, có 11 trường bán công, 2 trường công lập với 135 lớp. Trong đó có 21 lớp công lập, 11 tư thực, 103 bán công. Ngoài ra còn có một trường Mẫu giáo công lập và một trường tư thực. Số trẻ đi học các trường Mẫu giáo là 3.846 cháu (1.783 nam và 1.703 nữ). Tổng số có nhỉnh hơn năm học trước là 41 cháu, và báo cáo của Phòng Giáo dục huyện cũng ghi nhận việc huy động trẻ ra lớp đã vượt chỉ tiêu. Như vậy, có hơn 82% trẻ ghi danh vào các trường mầm non ngoài công lập: số trẻ em trong trường công lập là 600 cháu (330 nam và 270 nữ) trong khi số cháu trong các trường ngoài công lập là 2.886 cháu (1.463 nam và 1.423 nữ). Nhìn chung, năm học 2006 - 2007 tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng toàn xã cũng chỉ có 58% số cháu trong độ tuổi ra học các trường Mầm Non.

### **Giáo dục tiểu học**

Toàn huyện có 23 trường tiểu học với 463 lớp. Số học sinh ghi danh lên đến 13.011 (6.443 nam và 6.568 nữ). Báo cáo quý I năm 2006 - 2007 của Phòng Giáo dục huyện Vạn Ninh ghi nhận đã giảm 678 học sinh ở tiểu học, (4,9%) nguyên nhân do thực hiện tốt công tác kế hoạch hoá gia đình. Tuy nhiên, báo cáo này cũng nhận xét là số học sinh tuyển mới (2.595 năm học 2006 - 2007) cao hơn 135 em, tăng 5,5% so với những năm học gần đây, trong số đó có 2.496 học sinh 6 tuổi (tăng 3,9%) vào lớp 1, điều này hình như mâu thuẫn với lý do nêu trên, mà cũng có thể do nhập cư cơ học... Số em vào lớp 1 trong độ tuổi 6 tuổi chiếm tỷ lệ 99,4%.

Trong quý I năm 2006 - 2007, có 14 em trong độ tuổi không đi học. Tỷ lệ các em không ra lớp là 0,1%, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài việc không đi học, còn thêm số bỏ học, có 131 em trong độ tuổi từ 6-11 tuổi và 124 em trong độ tuổi từ 12 đến 14 tuổi, tổng cộng là 255 em bỏ học tiểu học. Thường là các em lớn tuổi hay bỏ học hơn.

Cần ghi nhận thêm là có một số em trong độ tuổi đã không ra lớp, kể cả các em trong độ tuổi tiểu học (6-10 tuổi), nhưng trong báo cáo đã ghi là tỷ lệ huy động đạt được 100%.

**Bảng 1. Tỷ lệ ra lớp tiểu học theo độ tuổi tại huyện Vạn Ninh năm học 2006 - 2007**

Độ tuổi	Tỷ lệ đi học trong độ tuổi (%)	Tỷ lệ đi học (%)
6 tuổi	99,7	99,7
7 tuổi	99,9	97,3
8 tuổi	99,5	96,0
9 tuổi	99,2	94,2
10 tuổi	99,1	91,7
11 tuổi	98,0	88,8

Nguồn: Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hoà, Phòng Giáo dục và đào tạo, 2006a.

**Bảng 2. Số lượng và tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi có bằng tốt nghiệp tiểu học theo từng xã của huyện Vạn Ninh, năm học 2006 - 2007**

Huyện/Xã	Trẻ 11-14 tuổi	Có bằng Tiểu Học	Tỷ lệ (%)
Đại Lãnh	1 127	1 080	95,8
Vạn Thọ	478	466	97,5
Vạn Phước	909	867	95,4
Vạn Long	870	840	96,6
Vạn Khánh	845	822	97,3
Vạn Bình	751	741	98,7
Vạn Thắng	1 590	1 470	92,5
Vạn Phú	1 165	1 109	95,2
Vạn Giã	1 857	1 765	95,0
Vạn Lương	1 130	1 101	97,4
Vạn Hưng	1 021	984	96,4
Xuân Sơn	438	419	95,7
Vạn Thạnh	595	515	86,6
Huyện Vạn Ninh	12 776	12 179	95,3

Nguồn: Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa, Phòng Giáo dục, 2006b.

Chất lượng học tập ở các trường được cải thiện, số lưu ban giảm, số học sinh học muộn ít, dù vẫn còn một số em lớn hơn 11 tuổi đi học tiểu học (264 em năm 2006 - 2007). Số trẻ từ 11 đến 14 tuổi đã tốt nghiệp tiểu học cao (95,3%). Tuy nhiên, vì học sinh bắt buộc có bằng tiểu học mới được vào lớp 6 nên có một số em đã không vào được trung học cơ sở ngay mà phải học lại vì chưa đủ trình độ để có bằng tiểu học. Hơn nữa, cần ghi nhận sự cách biệt lớn trong số học sinh tốt nghiệp tiểu học tại các địa phương của huyện. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học giữa các xã dao động từ 97,5% đến 86,6% (bảng 2); xã khó khăn nhất là Vạn Thạnh (đa số dân cư là ngư dân).

### **Giáo dục trung học cơ sở**

Huyện có 12 trường trung học cơ sở cho 13 xã. Xã Vạn Thạnh chưa có trường trung học cơ sở, do đó số học sinh đã tốt nghiệp tiểu học nhưng không tiếp tục học lên trung học cơ sở khá lớn. Nhìn chung, trừ xã Vạn Thạnh, các học sinh đã tốt nghiệp tiểu học đều tiếp tục lên học trung học cơ sở; tuy nhiên có 1,5% số học sinh không học lên, dù các em đã có bằng tiểu học (bảng 3). Không chỉ xã Vạn Thạnh có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học thấp (bảng 2), mà dù tốt nghiệp tiểu học, các em cũng ít học lên trung học cơ sở (bảng 3). Sự mất cân đối này càng rõ rệt hơn khi ta quan tâm tới định hướng của các em vì hơn một nửa học sinh học phổ cập trung học cơ sở đều thuộc xã Vạn Thạnh (bảng 3).

**Bảng 3: Số lượng và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6 năm học 2006 - 2007**

Huyện/Xã	Phổ thông	Phổ cập	Tổng số	Tỷ lệ
Đại Lãnh	281		281	96,9
Vạn Thọ	132		132	100,0
Vạn Phước	184		184	98,4
Vạn Long	214		214	99,5
Vạn Khánh	207		207	100,0
Vạn Bình	162		162	100,0
Vạn Thắng	380		380	99,7
Vạn Phú	246		246	99,6
Vạn Giã	465	1	466	99,8
Vạn Lương	264		264	100,0
Vạn Hưng	265	12	277	96,5
Xuân Sơn	126		126	100,0
Vạn Thạnh	116	15	131	86,8
Huyện Vạn Ninh	3042	28	3070	98,5

Nguồn: Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa, Phòng Giáo dục, 2006b.

Số học sinh ghi danh học trung học cơ sở công lập lên đến 10.518 em, trong đó có 5.243 em nam và 5.275 em nữ, năm học 2006 - 2007. Gần 77,5 % học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở đi học (độ tuổi từ 11-14 tuổi). Số học sinh đi học năm 2006 - 2007 cao hơn năm trước 104 học sinh. Tại báo cáo quý I năm 2006 - 2007, Phòng Giáo dục huyện giải thích có được kết quả này là do các trường đã cố gắng huy động tối đa học sinh vào lớp 6 để đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tuy nhiên, từ đầu năm học, số học sinh bỏ học vẫn còn cao: 131 em (gần 1,2%), có nghĩa là số nghỉ học tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước.

## Những khó khăn trong giáo dục của Huyện Vạn Ninh

Huyện Vạn Ninh đang phải đối mặt với nhiều khó khăn để đảm bảo chất lượng giáo dục cho trẻ em và thanh niên. Về mặt cung, cả 13 xã đều có trường mẫu giáo và tiểu học. Hiện nay, huyện chỉ có 12 trường trung học cơ sở, trường thứ mười ba đang được xây dựng. Tuy nhiên, theo đánh giá của nhiều người thì cơ sở vật chất nhà trường chưa đạt chuẩn và chất lượng xây dựng không đạt yêu cầu. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực nhưng huyện vẫn chưa có điều kiện để cải thiện nhanh chất lượng cơ sở vật chất của trường học.

Về cầu, cũng có những khó khăn nhất định: *“Học sinh trung học cơ sở vẫn tiếp tục bỏ học, phần lớn các em bỏ học nửa chừng vì sức học yếu nên chán học”*.<sup>4</sup> Hơn nữa, một số học sinh đã bỏ học từ tiểu học.

Vấn đề đánh giá chất lượng học sinh luôn là vấn đề thời sự, báo cáo quý I của phòng Giáo dục và UBND huyện Vạn Ninh ghi nhận: *“Vẫn còn tình trạng học sinh phổ thông ngồi nhầm lớp do hậu quả của những năm trước để lại”*.

Cuối cùng, còn nhiều cách biệt về giáo dục trong huyện. Tỷ lệ trẻ em từ 11 đến 14 tuổi đã tốt nghiệp tiểu học tại các xã không đồng đều (bảng 2), và tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở cũng như vậy (bảng 3). Sự khác biệt này còn rõ ràng hơn khi quan sát định hướng của học sinh: 53,6% học sinh đang học phổ cập sống ở xã Vạn Thạnh, trong khi số học sinh ở đây chỉ chiếm tỷ lệ 3,8% số học sinh của toàn huyện ghi danh vào lớp 6 (bảng 3).

## Tình hình Giáo dục tại xã Vạn Long

Xã Vạn Long có trường Mẫu giáo với 7 lớp (một điểm trường chính và sáu điểm phụ), một trường Tiểu học và một trường Trung học cơ sở.

---

4. UBND Huyện Vạn Ninh, 2007:11



Tổng số, xã có 7 lớp mẫu giáo, 28 lớp tiểu học, 36 lớp trung học cơ sở và một Trung tâm học tập cộng đồng, có một cán bộ chuyên trách xoá mù và phổ cập tiểu học, phổ cập trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Trường mẫu giáo bị giảm một lớp trong những năm 2005 - 2006 và 2006 - 2007, hệ thống giáo dục vẫn tiếp tục phát triển, nhờ chính sách phổ cập tiểu học và trung học cơ sở, dù cho số học sinh tiểu học có khuynh hướng giảm vì số trẻ trong độ tuổi giảm. Các trường tiểu học và trung học cơ sở đang nỗ lực giảm tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học. Xã cũng rất quan tâm tổ chức “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, nhằm tuyên truyền cho nhân dân những vấn đề liên quan đến giáo dục, phổ cập tiểu học và trung học cơ sở. Năm học 2006 - 2007, xã đã thành công trong việc huy động toàn bộ trẻ em sáu tuổi ra lớp (bảng 4).

**Bảng 4: Số lượng và tỷ lệ trẻ đi học tiểu học theo tuổi, Xã Vạn Long năm học 2006 - 2007**

<b>Độ tuổi</b>	<b>Tỷ lệ đi học trong độ tuổi</b>	<b>Tỷ lệ đi học</b>
6 tuổi	100,0	100,0
7 tuổi	100,0	96,3
8 tuổi	99,3	97,3
9 tuổi	99,0	95,0
10 tuổi	100,0	95,9
11 tuổi	100,0	86,6

Nguồn: Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hoà, Phòng Giáo dục, 2006a.

**Bảng 5: Các số liệu về mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở của Xã Vạn Long năm học 2006 - 2007**

Chỉ số	2005/2006	2006/2007	
Mẫu giáo	Số trẻ em 5 tuổi ra lớp	-	99,2%
	Tỷ lệ trẻ em 4 tuổi học mầm non (trẻ em 4 tuổi đi học/tổng số em đi học x 100)	-	24,67%
	Học sinh trong độ tuổi vào lớp 1	-	100,00%
Tiểu học	Học sinh vào lớp 1	-	100,00%
	Học sinh 6-10 tuổi	-	99,65%
	Học sinh 6-10 tuổi	-	0,35%
	Tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi đã tốt nghiệp và có bằng tiểu học	-	96,55%
THCS	Tỷ lệ học sinh có bằng tốt nghiệp tiểu học năm trước vào THCS từ đầu năm học	-	99,5%
	Tỷ lệ học sinh lớp 9 đã tốt nghiệp THCS	100,00%	
	Tỷ lệ học sinh lớp 9 đã tốt nghiệp THCS	-	87,00%

Nguồn: Tính toán dựa trên kết hợp các bảng thống kê của năm học 2005 - 2006 và 2006 - 2007.

### **Những khó khăn trong giáo dục của xã Vạn Long**

Về mặt giáo dục, xã Vạn Long không nằm trong số những xã khó khăn nhất và tỷ lệ trẻ em đi học nhỉnh hơn các xã trung bình của huyện Vạn Ninh, nhưng vẫn có rất nhiều bất cập. Cung và cầu trong giáo dục là những điểm cần quan tâm. Về cung, chất lượng cơ sở vật chất và đồ dùng học tập vẫn còn rất thiếu, cung cho cấp học mầm non ít phát triển, trong khi chi phí cho bậc học này lại cao hơn. Hơn nữa, vì dân cư phân bố không đều, mạng lưới trường học khó tổ chức nên trẻ đi học cũng không thuận tiện. Về mặt cầu, người dân dường như cũng chưa quan tâm lắm đến việc học mẫu giáo (một phần do chi phí cao), việc trẻ em bỏ học sớm còn tồn tại (từ tiểu học), việc học sinh trung học cơ sở trung học phổ thông và phổ cập trốn học vẫn còn phổ biến. Các học sinh đang có ý muốn thôi học hay đã bỏ học thường là con em những

gia đình nghèo nhất. Dù đã có những hỗ trợ cho các em học sinh nghèo nhưng sự hỗ trợ nhỏ nhoi này chưa thể san bằng được những cách biệt về xã hội và kinh tế.

Báo cáo của UBND xã ghi nhận cần *“Nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp, tiếp tục cuộc vận động ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, nâng cao hoạt động Hội đồng giáo dục, huy động tốt quỹ Khuyến học, Trung tâm giáo dục cộng đồng. Thực hiện tốt chương trình xoá mù chữ và sau xoá mù chữ [...]”*.<sup>5</sup>

## **Kết quả nghiên cứu về chất lượng giáo dục tại xã Vạn Long**

### **Điều kiện nghiên cứu tại xã Vạn Long**

Các cuộc nghiên cứu tại thực địa diễn ra từ ngày 5 đến ngày 12 tháng 3 năm 2007. Việc được ở trong một nhà dân tại xã Vạn Long đã giúp nhóm nghiên cứu nhanh chóng hòa nhập với cộng đồng và tiết kiệm được thời gian đi lại. Nhóm nghiên cứu đã tuân thủ yêu cầu của những người có trách nhiệm là không làm trở ngại việc dạy - học của giáo viên và học sinh, do đó các cuộc phỏng vấn đã được lên kế hoạch để các em không phải bỏ một giờ học nào. Ban đầu, nhóm nghiên cứu dự kiến thực hiện 20 cuộc phỏng vấn; nhưng thực tế có 22 cuộc vì phỏng vấn thêm nhóm học sinh trung học cơ sở có học lực trung bình, yếu và một học sinh lớp 8 đang muốn bỏ học. Các cuộc phỏng vấn bổ sung này đã giúp nhóm nghiên cứu kiểm chứng ý kiến *“Học sinh trung học cơ sở vẫn tiếp tục bỏ học, phần lớn các em bỏ học nửa chừng vì sức học yếu nên chán học”*. Trên thực tế, đúng là các em có học lực yếu thường hay bỏ học, các cuộc khảo sát tại thực địa còn chứng minh rằng một mặt, phần lớn các em học sinh yếu là con em gia đình rất nghèo, mặt khác, một số em trước đây đã từng là học sinh giỏi, nhiều khi rất giỏi cho đến lúc các em bị hạn chế thời gian, tiền bạc, cũng như không thể đầu tư nhiều cho việc học. Tất cả các học sinh bỏ học được hỏi cho biết các em phải lao động kiếm sống, cả ngày hay một buổi, nhiều khi làm cách nhật (do đó vắng mặt trong lớp). Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong

13. UBND xã Vạn Long, Ban chỉ đạo phổ cập xã, 2006 : 12

những phần sau vì điều này quan trọng cho cả việc khảo sát về chất lượng giáo dục. Bởi vì chất lượng này chỉ có ý nghĩa khi nó bảo đảm tính “đồng đều” và bao trùm hết tất cả các trẻ em và cho việc thực hiện phổ cập tiểu học cũng như trung học cơ sở. Nhóm nghiên cứu thực địa gồm hai nghiên cứu viên và một phiên dịch, cả ba đều tham dự vào tất cả tiến trình khảo sát và được người dân địa phương (cha mẹ học sinh, các em học sinh, đại diện các đoàn thể hay cộng đồng), cũng như các lãnh đạo chính quyền và ngành giáo dục (cán bộ, hiệu trưởng, giáo viên) nồng nhiệt tiếp đón. Tất cả những người hoạt động trong lĩnh vực xã hội này đều thể hiện họ rất quan tâm đến việc học hành cũng như việc giáo dục trẻ em nói chung. Ngoài ra, cũng cần ghi nhận sự hỗ trợ quý báu mà ông Đặng Mậu Đỉnh, người hiểu biết rất rõ về địa phương, thông thạo các vấn đề về giáo dục đã giúp nhóm nắm bắt tốt hơn tình hình giáo dục tại xã Vạn Long.

Vấn đề chất lượng giáo dục luôn luôn là trọng tâm các cuộc trao đổi, chúng tỏ rằng chất lượng giáo dục không chỉ là mối quan tâm của các nhà chuyên môn mà còn là trăn trở của nhiều người dân nơi đây.

## **Các trường được nghiên cứu**

### ***Trường Mẫu giáo Vạn Long***

Ở Vạn Long không có nhà trẻ, trường Mẫu giáo xã là trường công lập. Trường có một khu trường chính và sáu điểm phụ với bảy lớp phân tán ở bảy điểm khác nhau, mỗi lớp có một phòng học. Bảy giáo viên (kể cả hiệu trưởng) phụ trách 154 cháu. Các điểm phụ cách trường chính từ 600 mét đến 2 km. Trường chính xây bằng gạch, nhưng công trình này trước kia là trụ sở của Ủy ban xã chứ không phải để làm trường, (hình 1).

**Hình 1. Trường Mẫu giáo Vạn Long**



Các điểm phụ cũng trong tình trạng tương tự, các cơ sở vật chất của trường, lớp đó đã từng là nhà dân, là cơ quan... chứ không phải là các công trình xây dựng để làm trường, chính vì thế có rất nhiều điểm không phù hợp với nhu cầu sử dụng. Một vài điểm phụ không có sân, không có hàng rào (hình 2). Các cháu 3-4 tuổi hay 4-5 tuổi đi học tại điểm phụ, còn các cháu 5 tuổi học tại trường chính Vạn Long. Phòng hiệu trưởng đặt tại điểm chính Vạn Long.

**Hình 2. Điểm trường phụ của trường mẫu giáo Vạn Long**



Trong số 154 cháu đang học, có 86 nam và 68 nữ. Như vậy có 99,2 % số cháu năm tuổi đi học (116 cháu ở Vạn Long và 8 cháu ở Vạn Phước); Tỷ lệ này thấp hơn năm học 2005 - 2006 (UBND xã Vạn Long, Trường mẫu giáo dân lập Vạn Long, 2007). Hình như trường Vạn Long không huy động được hết số cháu vì chi phí học tập cao (Xem ở phần sau).

### ***Trường tiểu học Vạn Long***

Khu trường chính của Trường tiểu học Vạn Long có 11 phòng học tọa lạc tại thôn Long Hòa. Hai điểm trường phụ nằm ở thôn Hải Triều và Lộc Thọ. Điểm thứ nhất có hai phòng học (cho 4 lớp) và điểm kia có 2 phòng (cho 3 lớp). Năm học 2006-2007, chỉ có các lớp 1 và 2 học ở điểm trường phụ, còn tại điểm trường chính có đủ tất cả các trình độ. Tổng số, Trường Tiểu học Vạn Long có 15 phòng học (tất cả đều là nhà cấp 4) và 29 lớp.

**Hình 3. Trường tiểu học Vạn Long**

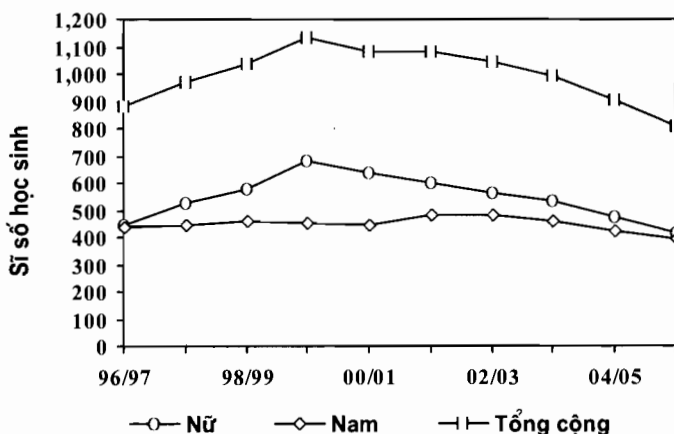


**Bảng 6. Sĩ số học sinh lớp 1 trường tiểu học Vạn Long từ 1996 - 1997 đến 2005 - 2006**

	1996/97	1997/98	1998/99	99/00	2000/01	2001/02	2002/03	2003/04	2004/05	2004/05
Nữ	112	117	119	132	139	102	99	90	63	63
Nam	90	82	88	98	87	86	85	89	60	60
Tổng số	202	219	207	230	226	188	184	179	123	123

Nguồn: Khảo sát thực địa - Marie-France Lange, Nguyễn Thị Vân

**Biểu đồ 1. Sĩ số học sinh trường tiểu học Vạn Long, từ 1996-1997 đến 2005 - 2006**



Nguồn: Bảng 6.

**Bảng 7. Số học sinh tiểu học chia theo lớp, Xã Vạn Long, năm 2005 - 2006**

Lớp	Số lớp	Số học sinh (Tổng/nữ)		Số giảm		Lên lớp trên	Lưu ban	Số thi lại
		Đầu năm	Cuối năm	Bỏ học	Lý do khác			
Lớp 1	5	132/72	129/70	1/1	2/1	129	/	
Lớp 2	6	127/62	125/60		2/2	124	/	3
Lớp 3	6	172/88	173/88			172	/	1
Lớp 4	6	182/86	182/86			182	/	
Lớp 5	6	196/85	197/85	1/0		197	/	
Tổng	29	809/393	806/389	2/1	4/3	802	/	4

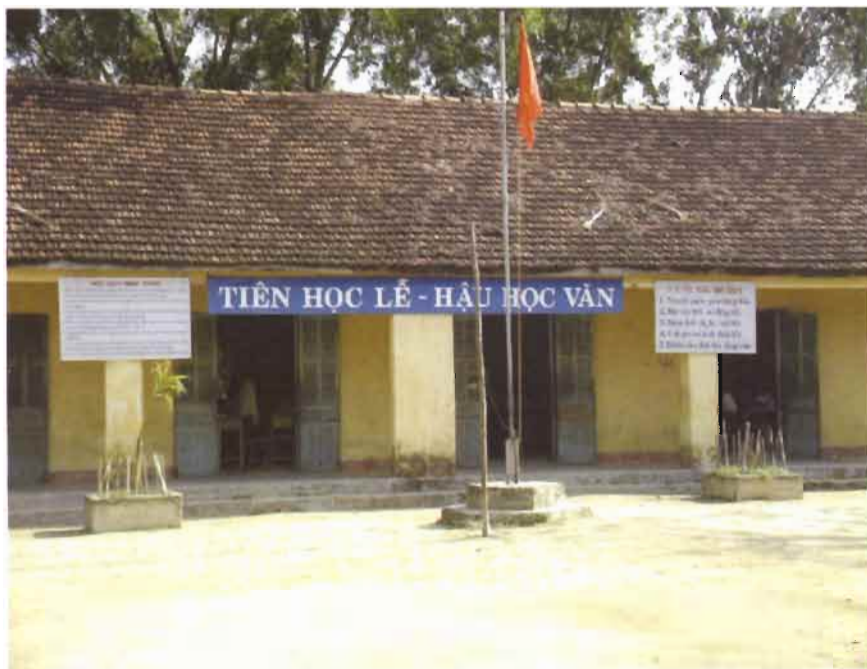
Nguồn: Phòng giáo dục Vạn Ninh, Trường tiểu học Vạn Long, 2006.  
"Báo cáo tổng kết năm học 2005 - 2006"

### **Trường trung học cơ sở Vạn Long**

Xã Vạn Long có một trường trung học cơ sở hoạt động từ năm 1994 - 1995, nhưng cơ sở vật chất đã được xây dựng từ năm 1970 và hiện nay không còn phù hợp với nhu cầu học tập.

Trong 5 năm gần đây, trường Trung học cơ sở Vạn Long đã phát triển nhanh nhờ triển khai chủ trương phổ cập trung học cơ sở: Nếu năm học 2002 - 2003 chỉ có 998 học sinh thì năm học 2006 - 2007 đã tăng lên 1.536 (bảng 8). Số lượng học sinh lớp 6 có khuynh hướng ổn định vì số em trong độ tuổi giảm (bảng 9).

**Hình 4. Trường trung học cơ sở Vạn Long**





**Bảng 8. Số lớp và số học sinh trung học cơ sở Vạn Long từ năm học 2002-2003 đến 2006 - 2007**

	2002/2003	2003/2004	2004/2005	2005/2006	2006/2007
Số lớp	26	28	31	35	40
Số học sinh	998	1 118	1 265	1 381	1 536

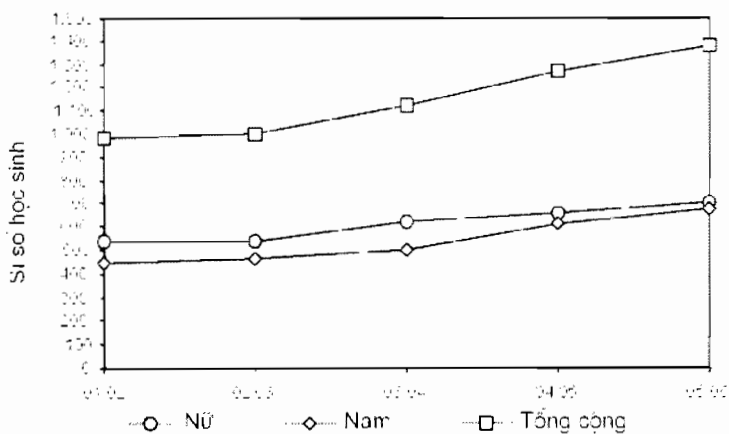
Nguồn: Phòng giáo dục Vạn Ninh, Trường trung học cơ sở Trần Quốc Tuấn, 2006.  
 "Báo cáo tổng kết năm học 2005-2006".

**Bảng 9. Số học sinh lớp 6 trường Trung học cơ sở Trần Quốc Tuấn, xã Vạn Long từ năm học 2001-2002 đến 2005-2006**

	2001/2002	2002/2003	2003/2004	2004/2005	2005/2006
Nữ	167	136	254	223	263
Nam	146	120	218	208	194
Tổng	313	256	472	431	412

Nguồn: Khảo sát thực địa - Marie-France Lange, Nguyễn Thị văn.

**Biểu đồ 2. Biến động học sinh lớp 6, xã Vạn Long từ 2001-2002 đến 2005-2006**



Nguồn: Bảng 9

Chất lượng học tập dường như khá tốt vì chỉ có 2 học sinh lưu ban và 51 em bỏ học. Số học sinh bỏ học trong năm học 2005-2006 chiếm gần 3,7% và chủ yếu tập trung ở lớp 6 (bảng 10).

**Bảng 10. Số học sinh cấp 2 theo lớp, xã Vạn Long, năm học 2005 - 2006**

Lớp	Số lớp	Số học sinh		Số giảm			Lên lớp trên	Lưu ban	Số học sinh thi lại	Số được lên lớp sau khi thi lại
		Đầu năm	Cuối năm	Bỏ học	Lý do khác	Lý do				
Lớp 6	10	412	386	22		Gia đình khó khăn	373	/	13	10
Lớp 7	10	390	366	17		Gia đình khó khăn	341	1	24	17
Lớp 8	10	398	382	10		Gia đình khó khăn	370	1	11	9
Lớp 9	5	181	179	2		Gia đình khó khăn	/	/	/	
<b>Tổng</b>	<b>35</b>	<b>1 381</b>	<b>1 313</b>	<b>51</b>	<b>17</b>		<b>1 084</b>	<b>2</b>	<b>48</b>	<b>36</b>

Nguồn: Phòng giáo dục Vạn Ninh, Trường Trung học cơ sở Trần Quốc Tuấn, 2006.

### ***Các lớp phổ cập***

Từ năm 2001, chương trình chống mù chữ, phổ cập tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông được thực hiện ở xã Vạn Long. Các trung tâm học tập cộng đồng phụ trách các lớp xoá mù (dành cho người lớn), trong lúc các lớp phổ cập (dành cho trẻ em và thanh niên chưa đi học hay đã bỏ học) được tổ chức trong các trường.

Chương trình đang có 17 học viên lớp xoá mù (trên số dự kiến là 20, tỷ lệ huy động đạt 85%), 22 học sinh phổ cập tiểu học (số dự kiến là 20, thực hiện được 110%).

Năm học 2005 - 2006, đã mở bốn lớp phổ cập giáo dục trung học cơ sở: các lớp 7 và lớp 9 ở xã Vạn Phước và các lớp 6 và 9 ở Khải Lương, xã Vạn Thạnh. Giáo viên của trường Trung học cơ sở Trần Quốc Tuấn giảng dạy các lớp này được Ban giám hiệu của trường quản lý. Trong năm 2005 - 2006 một giáo viên Trung học cơ sở tham gia giảng dạy lớp phổ cập Trung học phổ thông.

Trung tâm học tập cộng đồng Vạn Long, ngoài hoạt động phổ cập đã tổ chức ba lớp võ thuật, vi tính, học lái xe máy với hơn 277 người tham gia

trong đó 34 người đã được cấp bằng A vì tính. Trung tâm cũng đã trao hai phần thưởng để động viên cho hai học viên trị giá hơn 400.000 đồng.

Hình 5. Trung tâm Học tập cộng đồng xã Vạn Long



Toàn bộ các cơ quan đoàn thể (Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban chỉ đạo phổ cập của các trường tiểu học và trung học cơ sở, các đoàn thể) đã tham gia thực hiện chương trình giáo dục cho trẻ em, thanh niên đã bỏ học và người lớn có trình độ học vấn hay tay nghề thấp. Những đầu tư này rất lớn, cả về mặt kinh phí, thời gian dạy thêm của giáo viên, tuy nhiên, hiệu quả giáo dục chưa cao, điều này đặt lại vấn đề về chất lượng phổ cập giáo dục cơ bản.

Tuy nhiên, về mặt cầu, việc lao động kiếm sống của trẻ em và thanh niên là một trở ngại cho chương trình phổ cập tiểu học và trung học cơ sở. Như cán bộ chuyên trách lớp phổ cập Vạn Long chia sẻ “*Đối tượng huy động ra lớp phổ cập trung học cơ sở là những em phải lao động sớm, nhiều khi đó là lao động chính trong gia đình, nhiều em phải đi làm xa, do đó việc huy động gặp nhiều khó khăn. Trong các thôn, có một bộ phận dân cư có đời sống không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tất cả những điều đó đã có ảnh hưởng tiêu cực đến việc duy trì sĩ số của các lớp phổ cập trong các trường trung học cơ sở*”.

## **Đánh giá về các điều kiện thực hiện chất lượng giáo dục**

Chất lượng giáo dục chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan khác nhau trong hệ thống giáo dục. Ở đây, chúng tôi vừa phân tích những yếu tố tác động lên chất lượng giáo dục và ảnh hưởng của chất lượng giáo dục đến việc học của học sinh. Giáo dục tại Vạn Long phải đối mặt với nhiều vấn đề: chất lượng cơ sở vật chất không đảm bảo hoặc không phù hợp, dụng cụ học tập, bàn ghế thiếu, tình trạng các công trình vệ sinh rất tồi tệ, chi phí cho học tập quá cao đối với các gia đình nghèo, trẻ em phải làm việc thực sự để có tiền đi học hay để trợ giúp gia đình. Tất cả những yếu tố này đã góp phần làm giảm sút số lượng học sinh cũng như chất lượng học tập.

### ***Cơ sở vật chất***

Một trong những khó khăn chính mà toàn bộ những người được phỏng vấn nêu ra là chất lượng cơ sở vật chất và đây chính là mối quan tâm thường xuyên. Thực tế, các công trình xây dựng không còn tốt, không có tường rào, làm cho khuôn viên nhà trường trở nên nguy hiểm, không an toàn, khu vệ sinh ở trong tình trạng tồi tệ, không có nước sạch, không có các phòng chức năng, sân chơi cũng không phù hợp. Không có một ngôi trường nào, phòng học nào ở Vạn Long đáp ứng được nhu cầu học tập, giảng dạy của học sinh và giáo viên. Chính quyền xã thì cho rằng phần lớn các trường sẽ được nâng cấp hay chuyển đổi công năng trong thời gian sắp tới, việc chậm triển khai là do chưa có kinh phí.

Điểm chính của trường Mẫu giáo tuy là nhà xây, nhưng đây không phải là một nhà trường, mà là khu nhà cũ của Ủy ban xã (hình 1). Các điểm trường phụ tuy chất lượng còn tốt nhưng một vài điểm không có tường rào và một số điểm nằm sát đường chính hay trục giao thông (hình 2). Một trong số những kiến nghị của Ban giám hiệu lên Ủy ban Nhân dân xã là trong năm 2007 cần lập kế hoạch xây dựng tường rào cho những điểm chưa có (4 trong số 7 điểm): Củ Chi, Ninh Thọ, Xóm Mới, Lộ Thọ. Ngoài ra chỉ ở điểm trường chính và một điểm trường phụ có đồ chơi ngoài trời, các điểm khác không có vì không có sân chơi hoặc sân chơi quá hẹp, hay vì thiếu kinh phí. Nhìn chung, diện tích các phòng không đủ rộng, nếu tính theo số cháu (từ 15 đến 30 cháu, tùy theo lớp).

Cơ sở vật chất ở khu chính của trường tiểu học không đạt chất lượng. Báo cáo cuối năm học 2005-2006 của trường Vạn Long ghi nhận là cơ sở hạ tầng không đảm bảo nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh, phòng học xuống cấp, không có đủ tường rào (ở cả 3 điểm của trường tiểu học, điểm trường chính và hai điểm phụ).

Cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở cũng không được như mong muốn. Cha mẹ học sinh cho rằng cơ sở vật chất vừa thiếu vừa xuống cấp. Thêm vào đó, chất lượng bàn ghế đôi khi cũng không tốt. Một bà mẹ của một học sinh trung học cơ sở đã mô tả tình hình này như sau: *“Con em về nhà hay kể chuyện cho bố mẹ nghe, có hôm nó kể, “mẹ ơi tụi con đang học thì cái ghế gãy một cái, tụi con lăn ra hết”*. Một phụ huynh khác nói: *“Trường này xuống cấp quá nhiều rồi vì vậy cũng rất mong muốn sự quan tâm của Nhà nước trang bị cơ sở vật chất cho trường để nâng cao chất lượng giáo dục”*. Giáo viên cũng cùng chung nhận xét: tình trạng cơ sở vật chất ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy. Họ lưu ý là một số phòng tại điểm trường chính không có đèn chiếu sáng và bàn ghế không phù hợp: *“Chỉ có hai, ba phòng có bàn ghế đạt tiêu chuẩn”*.

Số phòng học ở điểm trường chính của trường tiểu học cũng như trung học cơ sở đều thiếu. Điểm chính trường tiểu học có 22 lớp nhưng chỉ có 11 phòng học (hai phòng cho lớp 1, 2 phòng cho lớp 2, 4 phòng cho lớp 3, 6 phòng cho lớp 4 và 6 phòng cho lớp 5). Học sinh chỉ học một buổi, sáng hay chiều.

### **Vệ sinh**

Một vài điểm trường mẫu giáo và tiểu học không có nước. Nhiều điểm trường có giếng khoan để dùng nhưng không có nước uống (hình 6). Trường Mẫu giáo phải mua bình nước uống (hình 7) cho học sinh và cha mẹ phải đóng tiền, học sinh tiểu học và trung học cơ sở thì phải mang nước từ nhà đến.

Hình 6. Giếng (nước không uống được) tại một điểm trường tiểu học Vạn Long



Tại nhiều điểm phụ của trường mẫu giáo không có nhà vệ sinh. Ở những điểm có nhà vệ sinh thì hoặc là không đủ, hoặc là chất lượng không tốt: ống thoát bị tắc nghẽn, cửa không đóng được, như một điểm của trường Tiểu học Vạn Long (hình 8). Nhiều lúc, giáo viên và học sinh phải dùng chung nhà vệ sinh, như ở điểm chính của mẫu giáo. Tại điểm trường này, nhà vệ sinh không có cửa và dân quanh đó ban đêm lén vào dùng. Giáo viên trường tiểu học thì có nhà vệ sinh riêng, nhưng học sinh thì phải đi ra ngoài bụi cây. Nhà vệ sinh của trường chưa được sửa chữa, vì dự kiến trường sẽ dời đi nơi khác trong một hay hai năm tới. Giáo viên trung học cơ sở chỉ có một phòng vệ sinh nhỏ cho 20 người, nhưng trong phòng vệ sinh không có nước, phải xách từ giếng khoan vào. Học sinh dù có nhà vệ sinh riêng, nhưng cũng không có nước.

Hình 7. Bình nước nhà trường Mẫu giáo mua do tiền cha mẹ học sinh đóng góp



Hình 8. Nhà vệ sinh điểm trường phụ của trường tiểu học Vạn Long



## **Các phòng chức năng**

Các trường ở Vạn Long đều không có phòng chức năng. Chẳng hạn, trường trung học cơ sở có thư viện nhưng không có phòng đọc sách. Học sinh phải mượn sách về nhà đọc, điều này có thể thuận tiện cho con em gia đình khá giả, nhưng gây khó khăn cho những học sinh nghèo vì các em thường không có nơi thích hợp để đọc (không có bàn, không có đèn hay không có chỗ v.v...). Mặt khác, thư viện còn được dùng làm phòng họp giáo viên vì trường thiếu phòng.

Tuy khu chính của trường mẫu giáo không phải là một cơ sở chuyên dùng cho giáo dục, nhưng lại có phòng họp, phòng hiệu trưởng và phòng học. Cả trường tiểu học cũng như trường trung học cơ sở đều không có phòng tập thể dục.

Trường tiểu học có một khoảng đất trống cho học sinh học thể dục còn trường trung học cơ sở thậm chí không có sân thể dục và học sinh học thể dục tại bến xe cũ, cách trường 100 mét. Trường trung học cơ sở cũng không có phòng thực hành. Có một phòng dùng cất giữ đồ dùng dạy học và hàng ngày giáo viên phải mang đồ dùng giảng dạy lên lớp rồi lại mang về cất.

Ngoài ra, giáo viên và học sinh dạy - học thực hành trong những căn phòng không phù hợp. Điều này hạn chế việc làm các thí nghiệm cũng như một số công việc thực hành trong tiết dạy. Và, trường này cũng không có phòng chuyên dùng cho việc học ngoại ngữ.

Như vậy, phòng học vẫn còn là cấu trúc chính của các trường trong xã Vạn Long, nếu không muốn nói rằng là duy nhất (như trường hợp ở các điểm phụ). Ở đây, chúng ta đối diện với loại hình trường "nghèo", chưa có những phòng chức năng (phòng thực hành, phòng học tiếng nước ngoài, thư viện, phòng đọc sách, phòng giáo viên, phòng hội đồng, nhà chơi, nhà tập thể thao, sân tập thể dục, v.v...) như ở các trường thành phố. Một vài phòng chuyên dùng, như thư viện ở trường trung học cơ sở thì còn được sử dụng cho nhiều mục đích khác vì không có phòng.

## **Sân chơi**

Sân chơi không phải lúc nào cũng phù hợp với nhu cầu học sinh. Nhiều điểm trường mẫu giáo và tiểu học không có tường rào và cũng chưa



thấy sân chơi ở đâu. Các khoảng sân này thường hướng trực tiếp ra đường lộ có nhiều xe cộ (hình 2 và 9), gây nguy hiểm cho các em. Điểm trường mẫu giáo Hải Triều không có tường rào, không có sân chơi xi măng và rất gần sông cho nên hoạt động ngoài trời rất nguy hiểm. Mặt khác, các sân chơi của các điểm trường phụ của mẫu giáo không có cây bóng mát và khi trời nắng thì không thể cho các em chơi.

Sân chơi ở khu chính của trường tiểu học là hai khoảnh ruộng chưa được cải tạo; sân chơi của trường Trung học cơ sở Trần Quốc Tuấn quá nhỏ, hẹp nếu tính theo số học sinh. Khi trời mưa, học sinh tiểu học không ra chơi được (không có chỗ trú mưa) và các em phải ở lại trong lớp, mặt khác, khi trời mưa thì sân rất lầy lội. Phần lớn các sân chơi của các trường ở Vạn Long chưa đáp ứng được các yêu cầu về an toàn và nhu cầu hoạt động của học sinh.

**Hình 9. Một điểm trường tiểu học ở Vạn Long**



## Điều kiện đến trường

Để phân tích điều kiện đến trường, cần quan tâm đến nhiều tiêu chí khác nhau. Điều 13 của Công ước quốc tế về Quyền trẻ em nói về những Quyền kinh tế và văn hoá xác định bốn tiêu chuẩn như sau: *Tính sẵn có* (endowment), *Khả năng tiếp cận* (accessibility), *Tính chất có thể chấp nhận* (acceptability), *Khả năng thích hợp* (adaptability) (Lange, 2003). Áp dụng bốn tiêu chuẩn này cho phép phân tích sâu sắc các điều kiện đến trường. *Tính sẵn có* liên quan đến chất lượng cơ sở hạ tầng và cung ứng giáo dục - còn cả ba tiêu chuẩn khác đặc biệt liên quan đến quan hệ cung cầu trong giáo dục. *Khả năng tiếp cận* được xem như là những yếu tố vật chất (khoảng cách từ nhà đến trường, điều kiện đi học) cũng như kinh tế (số tiền cha mẹ phải đóng). Nó bao gồm ba yếu tố cấu thành: khả năng tiếp cận về mặt vật chất, khả năng tiếp cận về mặt kinh tế, và tính chất không phân biệt. *Tính chất có thể chấp nhận* liên quan chủ yếu đến những xung đột có thể nảy sinh giữa sự lựa chọn nội dung chương trình học của ngành giáo dục - ngôn ngữ dùng trong trường, nội dung một vài môn học (lịch sử, tôn giáo...) - và các giá trị đạo đức được quảng bá trong nhà trường. Trong thực tế, *Tính chất có thể chấp nhận* có khuynh hướng đo lường mong muốn của gia đình trong việc giáo dục con em. Các mong muốn này được mô tả theo từng loại như sau: mong muốn gắn kết, mong muốn đồng nhất, sự né tránh hay từ khước (Lange et Martin, 1995; Henaff et al., 2001). Sau hết, *Khả năng phù hợp* giúp đo lường tính phù hợp hay không phù hợp của cung giáo dục đối với thực tiễn và nhu cầu văn hoá xã hội của quần chúng và bao gồm cả chất lượng giáo dục cũng như khả năng lan toả và biến đổi của hệ thống giáo dục. Về *tính chất có thể chấp nhận* và *Khả năng phù hợp*, Vạn Long không có xung đột về văn hóa vì xã chỉ dùng một ngôn ngữ và chỉ có một dân tộc, dù một vài người được phỏng vấn có phê phán nội dung chương trình học ở một mức độ nào đó. Cho nên ở đây, chúng tôi sẽ chỉ tập trung đến tiêu chuẩn *Khả năng tiếp cận* về khía cạnh vật chất cũng như kinh tế.

### **Những khó khăn đi lại**

Các điểm phụ của trường mẫu giáo và tiểu học đều nằm tại các thôn nhỏ và học sinh thường ở gần trường. Điểm trường chính của tiểu học và mẫu giáo đón nhận các em trong một phạm vi dân cư rộng hơn. Tuy nhiên, các điểm trường này chỉ dành cho các em lớn tuổi và các em hoàn toàn có thể dễ dàng đến trường (khoảng cách tối đa khoảng chừng 2-3 cây số).

Không phải tất cả học sinh mẫu giáo đều được cha mẹ đưa đến trường. Ở điểm chính của trường mẫu giáo có chừng 10 em trên tổng số 25 em tự đi bộ đến trường. Vấn đề đặt ra ở đây là sự an toàn vì không nơi nào tổ chức học bán trú, cả trường mẫu giáo cũng như tiểu học, do đó các em phải đi, về nhiều lần trong ngày.

Đa số học sinh tiểu học và trung học cơ sở đi bộ đến trường hay đi xe đạp; một số em được cha mẹ đưa đón bằng xe máy. Có nhiều trường hợp học sinh bị tai nạn như chúng tôi đã nói ở phần trên. Dù đi bộ hay đi xe đạp, học sinh tiểu học nói với chúng tôi là các em rất sợ các “quái xế”: “*Dạ có, em học về an toàn giao thông, khi có một xe chạy qua thì em đứng lại, nhưng chiếc xe tới đụng em, em bị ngã đau chân*”; “*Có những bạn đi bộ trên đường do không chú ý nên bị té hoặc bị xe đâm*”. Học sinh trung học cơ sở nhận thức rõ hơn vấn đề tai nạn: “*An toàn giao thông, đi trên đường thì xe cộ chạy rất là ẩu, thanh niên thường đánh võng, nhiều khi chúng em bị ngã xe do các thanh niên tông xe vào. Vì vậy có nhiều bạn phải nhờ bố mẹ chở đến trường, bởi vì giao thông thì phức tạp, chúng em sống ở địa bàn nông thôn chưa có đèn giao thông, hoặc những biển báo an toàn giao thông*”; “*Do điều kiện đường hơi chật, một lần em bị hỏng xe đứng lại nên đã bị xe sau va vào. Tay em đã bị thương hết nửa ngón, cách đây nửa tháng, hiện giờ tay em đã bớt*”; “*Chính bản thân em đã bị tai nạn trên đường đi học về, là do các bạn học sinh ùa ra không đi trên lề đường mà đi giữa đường, cho nên khi em xin qua đường thì em bị xe máy đâm vào*”.

Nhìn chung, cha mẹ học sinh khá lo lắng về vấn đề an toàn giao thông cho các em. Luật giao thông chưa được mọi người tuân thủ nghiêm túc. Thêm vào đó còn có một yếu tố khác, một phụ huynh nói thêm: “*Thưa chị, còn khó khăn nữa cũng không phải lo lắng lắm nhưng cũng là khó khăn đó là thời tiết, khí hậu ở đây rất là khắc nghiệt. Mùa mưa thì kéo dài triển miên, mùa kia thì gió cho nên con em đi học rất là khó khăn. Mùa gió hay mùa mưa mà không có sự đưa đón của cha mẹ thì có thể trẻ bị tai nạn giao thông. Hoặc là đường xá ở đây xe cộ thanh niên chạy cũng rất nhanh nên cũng rất lo nhất là con học tiểu học*”. Một phụ huynh học sinh tiểu học nhận xét rằng: “*Ở nông thôn mấy năm trước các em nhỏ cũng có thể tự đi xe đạp đến trường được nhưng mấy năm nay thì tình trạng xe máy nhiều quá, vấn đề an toàn giao thông không được bảo đảm. Khi học sinh tan học thì mấy thằng xe máy đó cũng làm*

*minh cũng sợ*". Học sinh trung học cơ sở than phiền vì không có nơi để xe đạp: *"Em mong muốn trường xây dựng nhà xe cho học sinh, bởi vì khi dựng xe trời nắng thì bánh xe của tụi em thường xuyên bị lủng và tụi em phải dắt bộ về nhà, có nhiều bạn không dám đi xe mà phải đi bộ đến trường"*.

**Hình 10. Tan học: học sinh tiểu học Vạn Long đi xe đạp về nhà, tháng 3 - 2007**



### ***Những đòi hỏi về tài chính***

Vì chi phí cho đi học cao nên trường mẫu giáo khó phát triển. Ngành học mẫu giáo không được nhiều cháu tham gia, trừ những cháu năm tuổi. Mặc dù các cha mẹ được hỏi đều phần khởi vì trẻ học mẫu giáo ngoan hơn, nhanh nhẹn hơn, lễ phép hơn và biết viết, vẽ, múa hát, được làm quen với đồ chơi. Nhưng thực tế, ở Vạn Long, có rất ít cháu 4 tuổi đi học. Các lý do đưa ra là chi phí cao, không có bán trú, thời gian học không phù hợp với công việc của cha mẹ. Đối với giáo viên, còn có thêm vấn đề *"phụ huynh người ta chưa hiểu lợi ích đưa con vào học lớp mẫu giáo"*, nhưng hình như nguyên nhân chính vẫn là học phí. Một phụ huynh học sinh mầm non nhận xét: *"Có nhiều người muốn đưa con đi học nhưng không có tiền, nên đành để con ở nhà thôi"*. Một giáo viên giải thích: *"Một năm vào trường tụi em phải đóng 323.000 đồng,*

*tổng các khoản vừa học phí, vừa bảo hiểm. Nói chung ở nông thôn thì thu tiền đầu năm rất là khó khăn, đến thời điểm bây giờ lớp em cũng có nhiều người chưa đóng đồng nào. Tụi em cũng đến từng nhà thu nhưng mà họ khổ quá nên họ cũng chưa có để đóng”.*

**Bảng 11. Chi phí và loại phí yêu cầu cha mẹ học sinh mẫu giáo đóng góp, Xã Vạn Long, 2006 - 2007**

<b>Loại tiền cha mẹ phải đóng cho nhà trường mẫu giáo</b>	<b>Số tiền hàng năm</b>
Học phí	180.000 đ
Quý hội	20.000 đ
Bảo hiểm	30.000 đ
Mua đồ dùng học tập	93.000 đ
<b>Tổng số tiền yêu cầu cha mẹ đóng góp</b>	<b>323.000 đ</b>

Nguồn: UBND xã Vạn Long, Trường mẫu giáo dân lập Vạn Long, 2007.

Như vậy, tổng chi phí cho một cháu mẫu giáo là 323.000 đồng. Ngoài số tiền này, còn phải thêm khoản nước uống 2.000 đồng do giáo viên thu (hình 7). Một giáo viên nhận xét là nước bình đắt, nhiều khi phải bắt các em tiết kiệm nước.

Hiệu trưởng trường tiểu học nói đầu năm, cha mẹ học sinh phải đóng 20.000 đồng. Số tiền này để bổ sung quỹ Hội nhằm tổ chức các hoạt động, mua phần thưởng cho giáo viên và học sinh giỏi. Có nhiều cha mẹ không đóng khoản tiền này. Về phần cha mẹ, họ nói đến số tiền 100.000 đồng/ năm như là học phí và cho rằng họ bị áp lực đóng tiền: *“Nhiều lúc giáo viên than vãn học sinh không đóng học phí, đau khổ lắm. Giáo viên không thu được học phí thì cấp trên nói”.*

Dù không nói đến học phí ở cấp tiểu học, cha mẹ vẫn than phiền vì nhiều khoản mua sắm và chi phí dành cho việc học quá cao: *“Sách thì tự mua học. Mấy năm trước thì nhà trường cấp cho nhưng mấy năm nay thì cha mẹ học sinh phải tự mua”;* *“Minh tự mua hết. Nhà trường không can thiệp gì về việc mua sách vở, bút, mực. Nói chung gia đình phải tự mua hết.”;* *“Khoản tối thiểu nhất là đóng tiền mua giấy kiểm tra, đóng*

*năm trăm hay một ngàn.”; “Minh mua tất cả chứ bây giờ nhà trường không có bao cấp gì cả, từ tờ giấy mời mình cũng phải đóng tiền vô, cái phù hiệu cũng phải mua”.*

*Một vài cha mẹ ước tính chi phí hàng năm cho một học sinh tiểu học hơn 700.000 đồng. “Dù bây giờ không có được thì cũng phải chạy vay hay là vay mượn làm thế nào đó thôi”; “Những gia đình có con đi học thì tối thiểu nhất cũng phải cho con một bộ đồng phục đến trường. Những nhà khá giả thì người ta may năm bảy bộ cho nó thay đổi. Nhưng có đứa học sinh khổ lắm, có một bộ mặc suốt. Gia đình người ta nghèo nhưng vẫn phải cố cho con đi học. Có khi quần áo không có đâu nhưng người ta đi xin xóm làng quần áo cho con mặc đi học”.*

Còn ở trung học cơ sở, toàn bộ cha mẹ học sinh được hỏi đều cho rằng chi phí cao quá. Một phụ huynh tóm tắt yêu cầu của nhóm phụ huynh: *“Em có thêm ý kiến là muốn đảm bảo sự học của con em thì cán bộ nghiên cứu có thể đề xuất để miễn giảm một khoản tiền nào đó để gia đình có thể ổn định trong đầu năm học. Về sách giáo khoa có thể bớt hoặc phát miễn phí cho các em. Cái khoản học phí thì có thể bớt để những gia đình nghèo như gia đình chị M. có thể yên tâm hơn, và con chị M. được đi học. Hoàn cảnh chị M. là chồng không có, mẹ thì mù, chị M. ước mơ cho hai đứa con được đi học nhưng học phí đầu năm vô một đứa là năm trăm nghìn, hai đứa là một triệu thì rất khó khăn cho chị M. Nhà nước có thể là miễn giảm hay bỏ hẳn tiền học phí. Rồi sách thì có thể đưa về từng địa phương rồi địa phương xét từng hoàn cảnh, gia đình nào khó khăn thì phát miễn phí sách giáo khoa cho các em”.*

Để kết luận, các khoản phí đã hạn chế việc theo học mẫu giáo và là một khó khăn cho việc phổ cập tiểu học cũng như trung học cơ sở. Nó làm nản lòng các em cũng như cha mẹ các em khi họ luôn là những nạn nhân của áp lực khi không đóng được tiền cho nhà trường.

## **Điều kiện dạy và học**

### **Đồ dùng dạy học**

Bảy lớp của trường mẫu giáo đều có bốn góc học tập (hình 11). Điểm trường chính được trang bị tốt hơn các điểm phụ: có đồ chơi ngoài trời.

Hình 11. Góc học tập của điểm trường chính, Mẫu giáo Vạn Long



Trường tiểu học có đủ dụng cụ dạy học, chỉ trừ lớp 5 bị thiếu. Giáo viên cũng tham gia làm đồ dùng giảng dạy ví dụ như làm bản đồ. Ở trung học cơ sở, dụng cụ giảng dạy cũng gần như đầy đủ. Tuy nhiên, một phần dụng cụ (compas hay thước kẻ) chất lượng không được tốt. Trái lại, các dụng cụ thể dục không đạt chuẩn và không dùng được. Vật liệu phải tự mua lấy để làm: nhiều khi giáo viên phải tham gia làm dụng cụ dạy học. Tuy nhiên, cái thiếu lớn nhất ở trường trung học cơ sở là không có phòng thực hành.

### ***Đội ngũ giáo viên***

Phần nhiều giáo viên Vạn Long đều đã có bằng cấp chuyên môn. Ở trường Mẫu giáo, 7 giáo viên đã đạt chuẩn, các giáo viên tiểu học cũng như trung học cơ sở đều đạt chuẩn.

Nhìn chung, giáo viên cho rằng khó khăn của họ là do lương thấp. Một giáo viên tiểu học nói: *"Bây giờ một giáo viên mới ra trường lương khoảng 1 triệu, mà ra ngoài này xe cộ tiền xăng dầu, thuê nhà. Với giá*

*cả bây giờ giáo viên lương 1 triệu mà mượn nhà thì... Hoặc như tôi bây giờ, lương ở mức trung bình nhưng nuôi 2 con đi học đại học cũng rất căng thẳng. Nói chung là đòi hỏi quá Nhà nước cũng không được, nhưng làm sao cho nó hài hoà để cho giáo viên còn nuôi con ăn học". Giáo viên trung học cơ sở cũng có cùng ý kiến như trên: "Hiện nay tôi lĩnh 1.600.000 đồng: không sống nổi, không theo kịp với mức sống. Mình không có nhà riêng, không nuôi nổi gia đình, nhưng phải cố gắng theo nghề sư phạm".*

Cha mẹ ý thức rằng chất lượng giáo dục cũng tùy thuộc vào điều kiện sống của giáo viên, như có người đã nói: *"Cái thứ hai là để giáo viên chú tâm đi sâu vào chuyên môn thì nhà nước cần có chính sách để tăng tiền lương để phù hợp với tình hình trượt giá hiện nay. Vừa rồi có nghe thông tin là tăng lương cho giáo viên nhưng cái tăng đó không có ý nghĩa gì vì trong tăng ngoài tăng thì cuộc sống nó vẫn như cũ thôi cho nên giáo viên không vui vẻ lắm, người ta phải làm thêm ở ngoài, không có điều kiện đào sâu chuyên môn. Đó cũng là một nguyên nhân dẫn đến chất lượng giáo dục yếu".*

Việc giảng dạy của giáo viên không tách rời điều kiện làm việc và điều kiện sống. Cả hai liên kết chặt chẽ với nhau, như một giáo viên tiểu học đã phát biểu: *"Nói tóm lại cuộc sống thường nhật hàng ngày với lại cuộc sống ở trên trường giống như là một tờ giấy 2 mặt, mặt này mặt kia dính liền với nhau, cho nên những khó khăn của cuộc sống gia đình tất nhiên nó có ảnh hưởng".*

Theo ý kiến của nhiều người, tiền lương chỉ đủ chi dùng cho một người độc thân, không có gánh nặng gia đình, và không nuôi được gia đình, như một giáo viên tiểu học đã nói: *"Đa số (giáo viên) dựa vào lương, bản thân mình thì đủ nhưng còn nuôi con ăn học nữa".* Nhiều giáo viên tiểu học công nhận họ có nhiều công việc phụ (trồng rau, chăn nuôi hay nuôi tôm) thêm cho lương. Giáo viên trung học cơ sở nói họ tăng thêm thu nhập nhờ dạy thêm, nhưng khó, vì số tiết dạy nhiều (21 tiết tuần thay vì chỉ 19 tiết như ở cấp 3), hay nhờ những công việc khác (trồng lúa chẳng hạn).

Ngoài chất lượng cơ sở vật chất, chất lượng bàn ghế không tốt và nhiều khi thiếu đồ dùng dạy học, thì điều kiện làm việc của giáo viên không phải lúc nào cũng thuận lợi.



Điều kiện sống của giáo viên ở nông thôn nhiều khi rất khó khăn, lương không đủ, còn phải lo nhà trọ, đặc biệt là trong các thôn nhỏ có điểm trường phụ. Ba giáo viên điểm phụ của trường tiểu học Vạn Long chỉ có một phòng để ở chung (xem hình 12). Vấn đề nhà trọ nhiều khi buộc giáo viên phải đi lại khó khăn và tốn kém: “*Em có khó khăn về lương còn thấp, nhưng mà khó khăn nhất là đi xa, cách 13 - 14 cây số, nhất là mùa mưa*”. (Giáo viên tiểu học)

**Hình 12. Phòng học dùng làm nơi ở cho ba giáo viên trẻ**



### **Vấn đề trẻ em lao động sớm**

Khi thực hiện nghiên cứu ở các trường học, chúng tôi đã tiếp xúc với một số học sinh gặp nhiều khó khăn trong học tập, hoặc vì kết quả học tập không tốt, hoặc vì các em thường xuyên vắng và sắp bỏ học. Các cuộc phỏng vấn giúp nhận ra hầu hết các em thuộc nhóm này thường xuyên tham gia lao động hay buôn bán phụ giúp gia đình.

Hình như khó nói đến việc cải thiện chất lượng giáo dục nếu không quan tâm đến những khó khăn của những học sinh bắt buộc phải lao động để có tiền đóng tiền học và/hay để phụ giúp gia đình. Để các em đi học chuyên cần hơn và tránh tình trạng dần dần bỏ học cũng như giảm bớt những khó khăn trong học tập, cần phải quan tâm đến vấn đề lao động trẻ em. Vấn đề này đã không được những người có trách nhiệm trong ngành giáo dục đề cập. Cha mẹ học sinh đôi lúc cũng có nhắc đến, như cha của một học sinh tiểu học nhận xét: *“Minh thấy nhiều em học sinh chưa chú tâm vào học do cái hoàn cảnh gia đình của nó quá khó khăn. Nó đi học một buổi, một buổi phải đi làm. Không có điều kiện học thêm ở trường lại không có điều kiện học thêm ở nhà thì thấy cũng rất là tội”*.

Ta có thể nhận thấy rằng trẻ em lao động sớm được chia làm hai loại chính: loại thứ nhất gồm những em xem công việc là chính và dành nhiều thời gian cho lao động kiếm sống và loại thứ hai chỉ làm việc nửa thời gian hay cách quãng. Nhóm thứ nhất, một khi đã đi làm xem như các em đã nghỉ học vì đi học thì phải học cả ngày. Loại thứ hai, các em chỉ làm nửa thời gian hay cách quãng có thể tiếp tục học nhưng gặp rất nhiều khó khăn và có thể chuyển sang học phổ cập ban đêm.

Trong số các em phải đi làm, nhiều khi có em giấu không cho gia đình biết, như một em đã cho chúng tôi biết: *“Bố mẹ em không biết, bố em bảo khi nào có tiền thì cho nộp nhưng mà không có”*.

Một số em trước đây là học sinh giỏi, dù cho phải vắng nhiều ngày để đi làm, như em D. học ở trường cấp hai nói: *“Gia đình em khó khăn, không có tiền học thì em phải nghỉ học để làm vài buổi sáng”*... *“Em theo mấy ông cậu đi bắt con xúp buổi sáng để lấy tiền nộp học”*. Nhưng, khi các em đã vắng học quá nhiều lần, điểm số các em càng lúc càng kém đi.

Các em lao động sớm được chia thành nhiều loại: các em có thể làm công ăn lương, lao động độc lập hay tham gia vào công việc sản xuất của gia đình. Một cô bé kể: *“Thưa cô sáng em đi học, về ngủ xong là đi làm bánh cốm kiếm tiền, làm thuê cho người ta. [...] Có khi đi từ lúc 2 giờ cho tới 7-8 giờ về, có khi về sớm hơn. [...] Một tiếng ngàn rưỡi [...] Ngày chủ nhật thì em được nghỉ. [Em] có chị học lớp 10 [...] làm lâu rồi. [...] Do nhà em khổ thì em cũng khổ, một mình ông ba nuôi không hết 5 chị em, em vẫn đi làm”*. Một em khác nói là em phải đi gánh nước và

đến tối mới về. Em làm bài, học bài vào lúc 20 giờ hay 21 giờ.

Thường thì các em nói rằng các em không hiểu bài, không có thời gian làm bài tập và không muốn đi học nữa: *“Thầy cô cứ mắng chửi các em, chúng em không muốn học”; “Kỳ I em bị đuổi ra ngoài, thầy lục vở em không có làm bài thì bị đuổi ra ngoài”.*

Rất ít em trong số này theo học lớp phụ đạo trong hè, vì tiền học cao, nhưng cũng vì các em bận làm việc trong hè: *“Thời gian nghỉ hè làm kiếm tiền, làm gạch”; “Hè em đi biển phụ ông ngoại”; “Em giúp cha mẹ đi biển”; “Hè em giúp gia đình buôn bán, còn một phần đi học thêm”; “Nghỉ hè em phụ mẹ cắt lúa”.*

### **Trẻ em bỏ học và thái độ của cha mẹ**

Những cha mẹ có con trong độ tuổi đi học nhưng không cho con đến trường được, có con bỏ học hoặc sắp bỏ học đều nêu khó khăn lớn nhất là chi phí cho con đi học quá cao so với khả năng kinh tế của gia đình. Có gia đình có tới 6 người con không ai được đến trường: *“Gia đình tôi hoàn cảnh quá khổ, không có đủ khả năng làm để kiếm cho con sinh sống hàng ngày, từ chỗ đó không có khả năng cho con đến trường học và mua sắm sách vở và áo quần cho con đi học”; “vì không có tiền đóng tiền trường, mua vở mua sách cho cháu nó học, xong rồi xin nghỉ. Nhưng mà cô cũng viết giấy đem xuống, nhưng không có tiền thì giờ sao”* (Nhóm cha mẹ học sinh bỏ học thôn Ninh Thọ).

Mặc dù chính sách của xã và các trường có miễn giảm các khoản chi phí cho các gia đình nghèo, nhưng cha mẹ vẫn không đủ tiền để mua sắm sách vở, quần áo cho con đến trường: *“nhà trường cũng giảm vì em làm đơn đem lên hiệu trưởng, hiệu trưởng đem xuống cho cô thì cô cũng nhận. Nhưng em không có tiền mua vở cho cháu nó học”.* Nhiều gia đình có 2-3 con trong độ tuổi đi học, vì thiếu thốn nên phải cho một con nghỉ học để cho một hoặc hai con học tiếp *“nhưng vì hoàn cảnh không có tiền đó chị thì mới cho cháu nó nghỉ, chứ còn có tiền thì cũng cho cháu nó học tới nơi tới chốn. Cha thì mất, còn hai đứa em đi học nữa, làm sao lo cho đủ, vì chỗ đó mà nó phải nghỉ để cho em nó học tới đâu tới đó, chừng không có tiền em cũng cho nó nghỉ luôn”.* Một nguyên nhân sâu xa hơn là các cha mẹ, do hoàn cảnh khó khăn và trình độ học vấn thường không cao, nên chấp nhận nếu con cái bỏ học

để ở nhà phụ giúp gia đình: “*Cũng là cái hoàn cảnh gia đình, cháu nó đang học như vậy nhưng mà nó nghĩ bây giờ cha mẹ rất là khổ, mà đi học mãi thì không có tiền đóng góp cho nhà trường. Bởi thế cho nên nó mới muốn nghỉ để phụ giúp cha mẹ có đồng tiền để mà nuôi em. Sau đó tôi mới trả lời là con phải đi học đi, không nên nghỉ, dù có khổ hơn nữa thì ba má cũng chạy lo cho con đi học. Rồi nói đi nói lại, nó nói ba già rồi, cũng yếu rồi, thôi để con xin nghỉ học. Từ đó nó lên nhà trường nó xin nghỉ học*”. Đối với các gia đình nghèo nhất, do sức ép của việc kiếm sống và chưa nhận thức được tầm quan trọng của học vấn, việc tìm hiểu thủ tục miễn giảm chi phí học tập cho con cái có thể là một thử thách không thể vượt qua được: “*Nói đúng ra gia đình làm hàng ngày không có đủ để con ăn thì không có dịp nào rảnh tới để gặp ông ấy (Trưởng thôn) hỏi. Nói đúng ra ông ấy kêu tới 2 lần, tôi cũng tới, nhưng rồi chờ để vá cái lưới này vì nó rách, nếu không vá thì không có tiền sắm lưới khác*”.

Việc cải thiện chính sách hỗ trợ miễn giảm đóng góp chi phí học tập cho các hộ nghèo và thiết lập các cơ chế tài trợ đặc biệt nhằm giảm chi phí cho giáo dục của các gia đình (như trợ cấp đồ dùng học tập), cũng rất quan trọng làm cho người dân có điều kiện xin hỗ trợ dễ hơn. Để việc xóa bỏ học có hiệu quả nên quan tâm thực sự đến các gia đình có hoàn cảnh nghèo cùng cực, làm cho cha mẹ nghèo nhận thức được rằng việc học hành của con mình không phải là một điều không thể đạt tới.

## **Kết luận và kiến nghị**

### **Cần cải thiện điều kiện dạy và học**

Tất cả những người được hỏi đều than phiền về chất lượng cơ sở vật chất và cả bàn ghế học sinh. Các công trình xây dựng thường cũ kỹ và không phù hợp, số phòng học không đủ, tình trạng nhà vệ sinh đáng lo ngại, nước uống khan hiếm.

Những khó khăn này nhiều khi ảnh hưởng xấu đến việc dạy học. Chắc là việc di chuyển trường tiểu học và trường trung học cơ sở Vạn Long đã cản trở việc bảo dưỡng đồ đạc và thiết bị của nhà trường.

### **Hỗ trợ các gia đình khó khăn chưa đầy đủ**

Mặc dù đã có nhiều biện pháp hỗ trợ cho các hộ có khó khăn về tài chính (gia đình ngư dân, gia đình đông con, mẹ goá nuôi con cô, cha mẹ tàn tật, v.v...) nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu tối thiểu nhất. Mặt khác, sự hỗ trợ cũng không đồng bộ, không liên tục, làm cho hoàn cảnh các gia đình bấp bênh, con cái sống trong lo âu nhất là khi hiệu trưởng hay giáo viên nhắc nhở với các em yêu cầu cha mẹ đóng tiền.

Theo chúng tôi, việc hỗ trợ nên tổ chức hàng năm và số tiền sẽ nhận được nên thông báo cho gia đình biết vào đầu năm, qua lời nói của cha mẹ thì điều này hình dường như chưa được thực hiện.

### **Quan tâm tới trẻ em lao động sớm**

Chúng tôi có thể nhận thấy phần đông những học sinh có khó khăn trong học tập là những em đang thường xuyên tham gia lao động hay buôn bán. Tuy nhiên, vấn đề trẻ em lao động sớm không được những người có trách nhiệm trong ngành giáo dục đề cập đến và chỉ được phía gia đình đề cập một cách qua loa. Ở Việt Nam cũng như nhiều nước khác, vấn đề trẻ em lao động sớm chưa được nhìn nhận đầy đủ, mặc dù điều kiện sống của các em rất đặc thù và nhu cầu giáo dục cũng rất khác biệt.

## **Nên ưu tiên cho việc học phổ thông**

Có thể nhận thấy rằng, các biện pháp khác nhau của xã hội đã không thể giữ được con em các gia đình nghèo nhất hay khó khăn nhất ở lại trường. Nhiều học sinh, tuy chỉ là một thiểu số, phải bỏ học sớm ở tiểu học hay trung học cơ sở. Các em khác thì thường xuyên hoặc đôi khi vắng mặt vì các em phải làm việc để trả tiền học hay phụ giúp gia đình.

Nếu ta cho rằng việc cải thiện chất lượng giáo dục chỉ có ý nghĩa khi việc cải thiện này được thực hiện trong viễn cảnh giúp các em đạt được một nền giáo dục cơ bản, thì hình như cần xem xét lại các hình thức hỗ trợ cho các em có nguy cơ bỏ học đang được áp dụng. Bởi vì các phương thức hỗ trợ hiện nay xem ra chưa trợ giúp được một cách hữu hiệu và thường xuyên và việc học bắt buộc và miễn phí hoàn toàn hầu như chưa được ngành giáo dục chấp nhận, cho nên cần phải cải thiện và nhất là “hợp thức hóa” hệ thống học bổng dành cho học sinh nghèo.



## Phụ lục 2. Xã Vạn Long. Biểu tổng hợp tiêu chuẩn phổ cập THCS Tính đến ngày 5 tháng 9 năm 2006

Tên đơn vị	HUY ĐỘNG								HIỆU QUẢ								Đạt hay chưa đạt PCGD THCS	
	Trẻ 6 tuổi			Số HS TNTH năm qua	Số HS TNTH năm học vừa qua vào lớp 6 năm học mới				Trẻ 11-14 tuổi			Tỷ lệ HS lớp 9 TN THCS (2 hệ) năm học qua (%)	Tổng số đối tượng 15-18	Số người độ tuổi 15-18 có bằng THCS				
	Tổng số	Học lớp 1	Tỷ lệ		PT	BTVH	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Có bằng TH	Tỷ lệ			PT	BTVH	Tổng cộng		Tỷ lệ
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Long Hòa	55	55	100,0	88	88		88	100,0	300	286	95,3	100,0	270	213	22	235	87,0	
Lộc Thọ	26	26	100,0	91	90		90	98,9	208	197	94,7	100,0	172	130	24	154	89,5	
Ninh Thọ	30	30	100,0	21	21		21	100,0	129	126	97,7	100,0	77	52	10	62	80,5	
Hải Triều	51	51	100,0	15	15		15	100,0	233	231	99,1	100,0	198	123	50	173	87,4	
<b>Tổng Cộng</b>	<b>162</b>	<b>162</b>	<b>100,0</b>	<b>215</b>	<b>214</b>	<b>0</b>	<b>214</b>	<b>99,5</b>	<b>870</b>	<b>840</b>	<b>96,6</b>	<b>100,0</b>	<b>717</b>	<b>518</b>	<b>106</b>	<b>624</b>	<b>87,0</b>	<b>Chưa</b>

Nguồn: UBND xã Vạn Long, Ban chỉ đạo phổ cập cấp xã, “Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ phổ cập 2006 và các năm sau”, Vạn Long, Tháng 9 năm 2006



**Chủ biên**

Nolwen Henaff, Trần Thị Kim Thuận

**Tác giả**

Marie-France Lange, Jean-Yves Martin,

Đinh Thị Bích Loan, Nguyễn Thị Văn

# **Nghiên cứu Chất Lượng Giáo dục Tỉnh Khánh Hòa**



Nhà Xuất Bản Thế Giới  
Hà Nội - 2007

 **Aide et Action**  
Asie du Sud - Est



**Chủ biên**

Nolwen Henaff, Trần Thị Kim Thuận

**Tác giả**

Marie-France Lange, Jean-Yves Martin,  
Đinh Thị Bích Loan, Nguyễn Thị Văn

# **Nghiên cứu Chất Lượng Giáo dục Tỉnh Khánh Hòa**



Nhà Xuất Bản Thế Giới  
Hà Nội - 2007

